

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÙNG LINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÙNG LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUNG LINH SERVICE AND TRADING DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108236145

**3. Ngày thành lập:** 17/04/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 05, Xóm Cầu, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936322982

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                            | 4652     |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                        | 4653     |
| 3.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                     | 5510     |
| 4.  | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                            | 5590     |
| 5.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                              | 5610     |
| 6.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                 | 5621     |
| 7.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                          | 5629     |
| 8.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                       | 5630     |
| 9.  | Xuất bản phần mềm<br>(không bao gồm xuất bản phẩm)                                                                                                                            | 5820     |
| 10. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                           | 6202     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                               | 6209     |
| 12. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                            | 6311     |
| 13. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; | 6329     |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                               | 4659     |
| 15. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                  | 4661     |
| 16. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(không bao gồm kinh doanh vàng miếng)                                                                                                  | 4662     |
| 17. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                             | 4690     |

|     |                                                                                          |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Vận tải bằng xe buýt                                                                     | 4920        |
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)      | 4931        |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                           | 4933        |
| 21. | Cho thuê xe có động cơ                                                                   | 7710        |
| 22. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                 | 7722        |
| 23. | Bốc xếp hàng hóa                                                                         | 5224        |
| 24. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                      | 7730        |
| 25. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                | 9511        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                | 5222        |
| 27. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                   | 4620        |
| 28. | Bán buôn thực phẩm                                                                       | 4632        |
| 29. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                  | 1623        |
| 30. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | 1629        |
| 31. | In ấn                                                                                    | 1811        |
| 32. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                             | 2592        |
| 33. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                              | 2599        |
| 34. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)                    | 4511        |
| 35. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá)  | 4543        |
| 36. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                | 8230        |
| 37. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                           | 1410        |
| 38. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                           | 1610        |
| 39. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                  | 1622        |
| 40. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                     | 4641        |
| 41. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                  | 1313        |
| 42. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                        | 1621        |
| 43. | Bán buôn đồ uống                                                                         | 4633        |
| 44. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                       | 4649        |
| 45. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                  | 4663(Chính) |
| 46. | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)                                                   | 1322        |
| 47. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                 | 1812        |
| 48. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                           | 2511        |
| 49. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                             | 4512        |
| 50. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                           | 4520        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 51. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4530 |
| 52. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4542 |
| 53. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4631 |
| 54. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4634 |
| 55. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4513 |
| 56. | Bán mô tô, xe máy<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4541 |
| 57. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5221 |
| 58. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8129 |
| 59. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4651 |
| 60. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4669 |
| 61. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4912 |
| 62. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4932 |
| 63. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5210 |
| 64. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;<br>- Hoạt động dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá, dịch vụ liên quan tới hậu cần; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ | 5229 |
| 65. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6201 |
| 66. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7721 |
| 67. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7729 |
| 68. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8110 |
| 69. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8121 |
| 70. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8130 |
| 71. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8211 |
| 72. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8219 |
| 73. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN LINH

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 07/08/1993

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 045088598

Ngày cấp: 22/03/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Lai Châu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Bản Nậm Tường, Thị trấn Tam Đường, Huyện Tam Đường, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 05, Xóm Cầu, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN LINH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 07/08/1993

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 045088598

Ngày cấp: 22/03/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Lai Châu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Bản Nậm Tòng, Thị trấn Tam Đường, Huyện Tam Đường, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 05, Xóm Cầu, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội